

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 22-11-2024  
V/v ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tuấn Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Hồ Đắc Minh;
- Ông Trương Hữu Bình;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 274/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Trương Nhã P, sinh năm 2003. HKTT: Số F, P, phường F, thành phố T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1995. HKTT: Ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương;

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn xin ly hôn ngày 23/8/2024, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà P trình bày:**

**- Về quan hệ hôn nhân:** Ông H và bà P có mối quan hệ là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 2021, có đăng ký kết hôn tại UBND phường F, thành phố T, tỉnh Long An vào ngày 09/12/2021. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc.

Những năm gần đây, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và không sống chung từ hơn một năm nay. Bà P nhận thấy tình cảm vợ chồng hiện không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn ly hôn với ông H.

- *Về con chung*: Không có.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Chứng cứ nguyên đơn giao nộp*: Bản chính đơn xin ly hôn ngày 23/8/2024; bản chính giấy chứng nhận kết hôn.

**\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/11/2024, bị đơn ông H trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông H và bà P có đăng ký kết hôn tại UBND phường F, thành phố T, tỉnh Long An vào ngày 09/12/2021. Hiện nay, vợ chồng không còn ở chung. Trước yêu cầu ly hôn của bà P thì ông H đồng ý.

- *Về con chung*: Không có.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn. Về nội dung vụ án: Các đương sự thống nhất ly hôn nên đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà P khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với bị đơn ông H, ông H có hộ khẩu thường trú tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng và quan hệ pháp luật tranh chấp là “ly hôn” theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo đơn xin ly hôn, bà P khởi kiện ly hôn với ông H. Quá trình tố tụng, bà P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn. Ông H đồng ý ly hôn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông H và bà P có mối quan hệ là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 2021, có đăng ký kết hôn tại UBND phường F, thành phố T, tỉnh Long An vào ngày 09/12/2021. Hôn nhân giữa bà P và ông H đã thực hiện đúng thủ tục quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Trong thời gian chung sống, bà P và ông H có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do sống chung không hợp, bất đồng quan điểm sống, hiện vợ chồng đã ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, ông H đồng ý ly hôn và làm đơn vắng mặt không tham gia tố tụng. Thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hai bên thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà P được ly hôn với ông H theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung*: T khai không có con chung.

[4.3] *Về tài sản chung*: Bà P xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.4] *Về nợ chung*: Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa cũng như nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Bà P tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 53, 55, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Trương Nhã P đối với ông Nguyễn Xuân H.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Trương Nhã P được ly hôn với ông Nguyễn Xuân H.

1.2. *Về con chung*: T khai không có.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Trương Nhã P chịu toàn bộ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0000448 ngày 23/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tuấn Nam**